

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN
VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

ĐẾN

Số: 31

Ngày: 12/8/2025

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07/JVL-TD/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT.

Địa chỉ: Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3266 2888

E-mail: JVLcompany.info@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0109752537

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BỘ PHẬN BÒ TUYỂN CHỌN

2. Thành phần: 100% Bộ phận bò.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 18 ngày kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm đóng gói hút chân không trong bao bì túi PA/PE ở điều kiện bảo quản (-2°C) – 2°C.
- 30 ngày kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm đóng gói trong bao bì túi co hút chân không rào cản cao PVDC - shrink bag ở điều kiện bảo quản (-2°C) – 2°C.
- 12 tháng kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản ≤ -18°C.

Ngày sản xuất xem trên nhãn, nhãn phụ.

STT.	Mã sản phẩm	Hạn sử dụng		
		Bảo quản mát (-2°C) - 2°C	Bảo quản mát (-2°C) - 2°C	Bảo quản đông ≤ -18°C
		Túi PA/PE	Túi Shrink bag	-
1	Chân Bò - Leg	Không áp dụng	Không áp dụng	12 tháng
2	Tủy sống bò - Spinal cord	Không áp dụng	Không áp dụng	12 tháng
3	Lưỡi bò có da - Tongue skin-on	18 ngày	30 ngày	12 tháng
4	Lưỡi bò không da - Tongue skin-off	18 ngày	30 ngày	12 tháng
5	Má Bò (Không mép) - Cheek (Papillae off)	18 ngày	30 ngày	12 tháng
6	Má Đào bò - Cheek trimming	18 ngày	30 ngày	12 tháng
7	Má hàm bò - Jaw meat	18 ngày	30 ngày	12 tháng
8	Mép Bò - Papillae	18 ngày	30 ngày	12 tháng
9	Môi Bò - Lip	Không áp dụng	Không áp dụng	12 tháng
10	Xương đầu bò (Có óc/mắt) - Head bone (With brain/eyes)	Không áp dụng	Không áp dụng	12 tháng
11	Thịt vụn đầu bò – Head meat	Không áp dụng	Không áp dụng	12 tháng

12	Nằm bò - Udder	Không áp dụng	Không áp dụng	12 tháng
13	Ngầu Pín bò - Penis	Không áp dụng	Không áp dụng	12 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói với khối lượng tịnh: 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg, hoặc quy cách khác theo nhu cầu thị trường được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.

4.2. Chất liệu bao bì:

+ Bao bì trực tiếp: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì túi co hút chân không rào cản cao PVDC – shrink bag, túi PA/PE hút chân không hoặc bao bì nhựa bao gói kín đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tuân theo QCVN 12-1: 2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp.

+ Bao bì ngoài: Sản phẩm đã có bao bì trực tiếp có thể được đóng trong thùng carton tùy theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TAM ĐẢO**

Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Tam Đảo, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Số Giấy chứng nhận HACCP CODEX: VN013795 Cấp ngày: 31/07/2025 do Bureau Veritas Certification Việt Nam cấp.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-3: 2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Thông tư số 24/2013/TT-BYT Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm của Bộ Y tế.

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm của Bộ Y tế.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Vĩnh Phúc, ngày 04 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



YOICHI HARUMOTO

1525
ÔNG
T. H
H. N
I. N
VH PH

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

(Đính kèm Bản tự công bố số 07/JVL-TD/2025)

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g	$\leq 5 \times 10^5$	QCVN 8-3: 2012/BYT
2	E. coli, cfu/g	$\leq 5 \times 10^2$	QCVN 8-3: 2012/BYT
3	Salmonella/25 g	Không phát hiện	QCVN 8-3: 2012/BYT

2. Chỉ tiêu kí sinh trùng

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Gạo bò (Cysticercus bovis)	Không phát hiện	TCVN 12429-2:2020 TCVN 7047-2020

3. Hàm lượng kim loại nặng:

STT.	Tên chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Cadimi (Cd), mg/kg	$\leq 0,05$	QCVN 8-2:2011/BYT
2	Chì (Pb), mg/kg	$\leq 0,1$	QCVN 8-2:2011/BYT

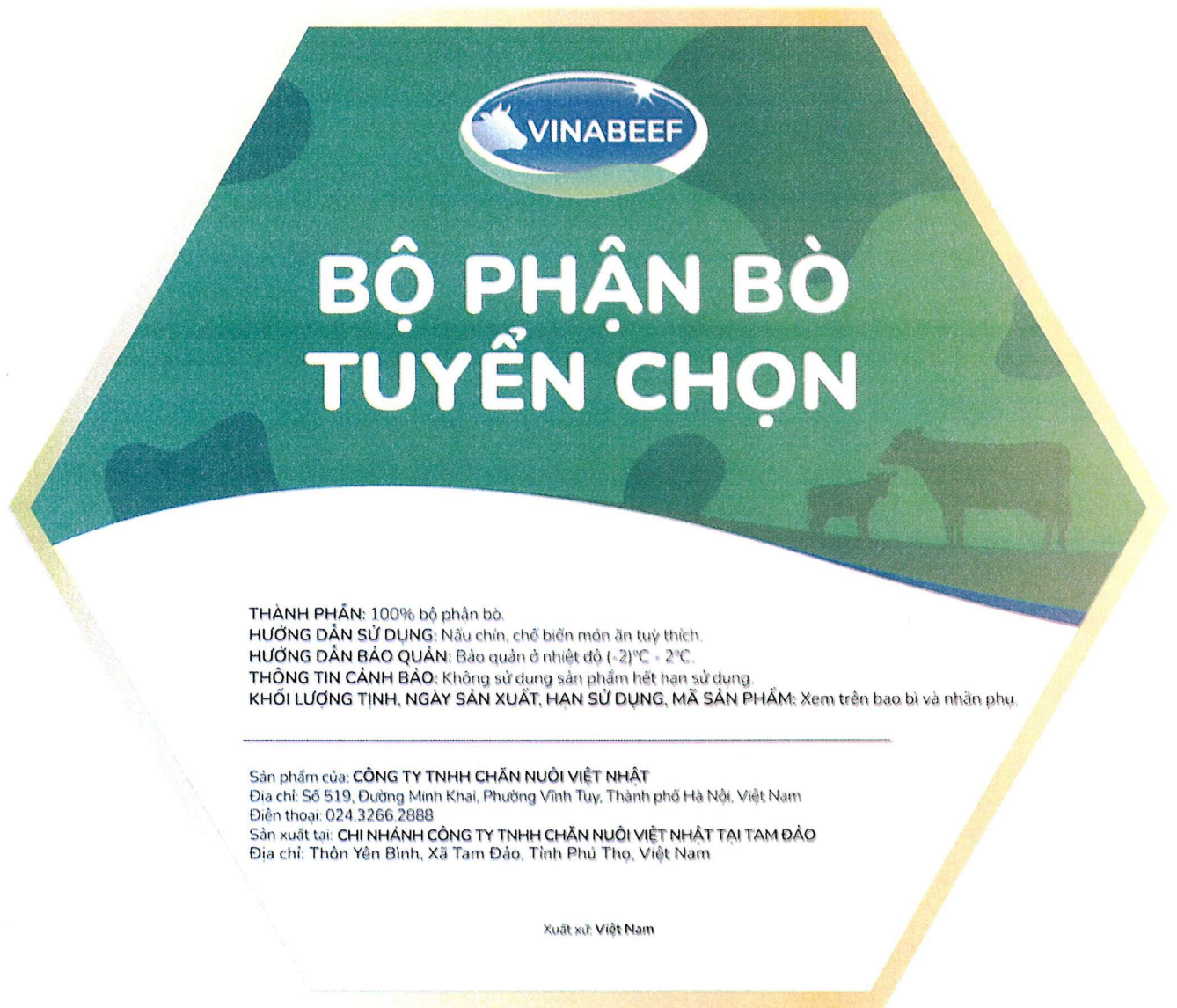
4. Dư lượng thuốc thú y:

STT.	Tên chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Clenbuterol, $\mu\text{g/kg}$	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
2	Dexamethasone, $\mu\text{g/kg}$	≤ 1	TT 24/2013/TT-BYT
3	Ractopamine, $\mu\text{g/kg}$	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
4	Salbutamol, $\mu\text{g/kg}$	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
5	Spectinomycin, $\mu\text{g/kg}$	≤ 500	TT 24/2013/TT-BYT
6	Sulfadimidine, $\mu\text{g/kg}$	≤ 100	TT 24/2013/TT-BYT

5. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Diquat, mg/kg	$\leq 0,05$	TT 50/2016/TT-BYT
2	Paraquat, mg/kg	$\leq 0,005$	TT 50/2016/TT-BYT

Đính kèm Bản tự công bố số: 07/JVL-TD/2025 - Ngày: 04/08/2025
Mẫu nhãn bảo quản điều kiện mát

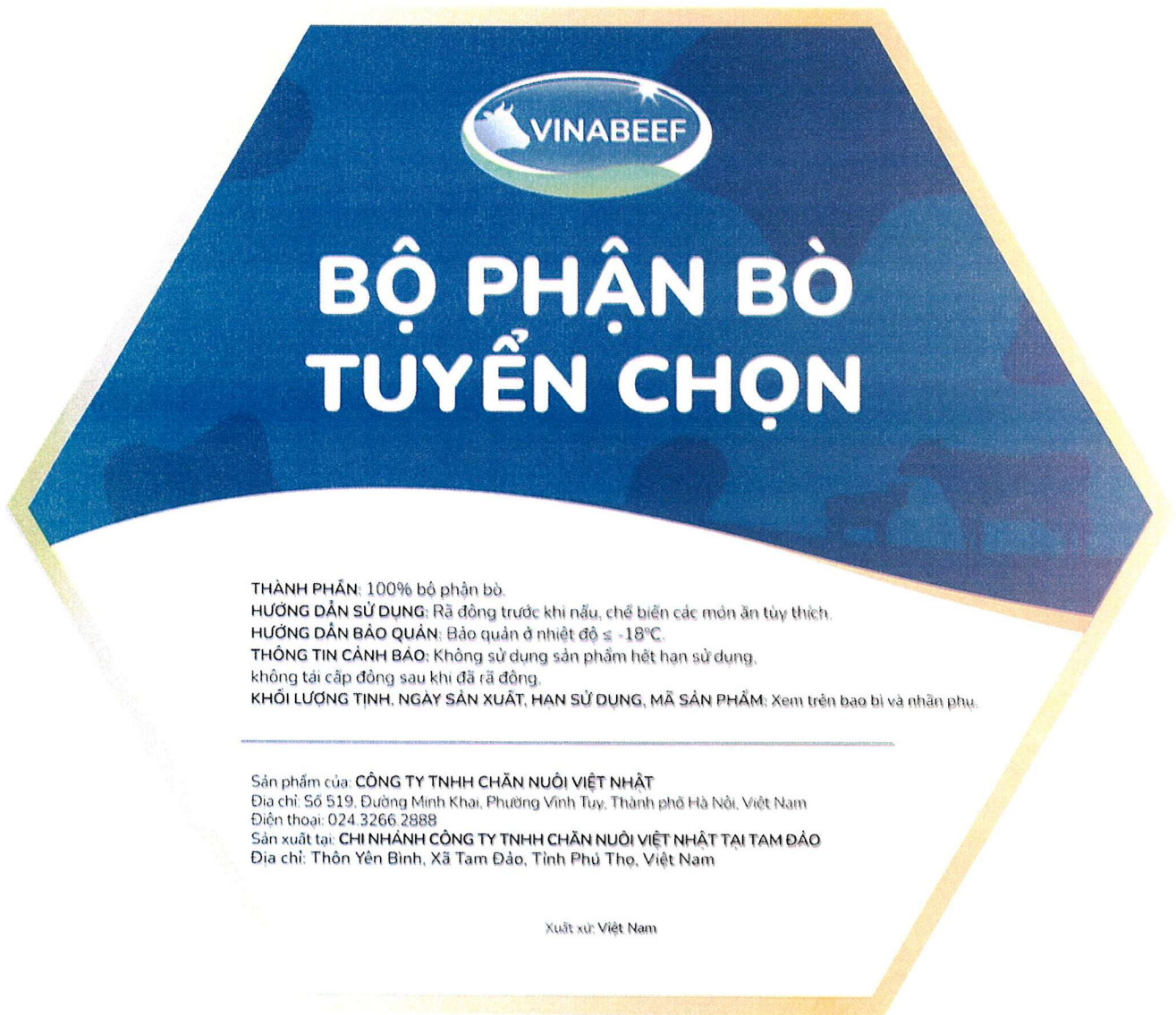


Mã sản phẩm:
Mã code:
Ngày sản xuất:
Hạn sử dụng:
Điều kiện bảo quản:
Lô sản xuất:
Khối lượng tịnh: kg



YOICHI HARUMOTO

Đính kèm Bản tự công bố số: 07/JVL-TD/2025 - Ngày: 04/08/2025
Mẫu nhãn bảo quản điều kiện đông lạnh



Mã sản phẩm:
Mã code:
Ngày sản xuất:
Hạn sử dụng:
Điều kiện bảo quản:
Lô sản xuất:
Khối lượng tịnh: kg



YOICHI HARUMOTO



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 66818/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu: BỘ PHẬN BÒ TUYỂN CHỌN
- Mã số mẫu: 112414433/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon hàn mép, 3 kg/túi. Nhiệt độ mẫu tại thời điểm nhận là 5 °C. Số lượng: 1.
NSX: Không có - HSD: Không có.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 28/11/2024
- Thời gian thử nghiệm: 28/11/2024 - 05/12/2024
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT
Địa chỉ: Số 519, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	$3,0 \times 10^1$
9.2*	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH (eLOD ₅₀ : 1)
9.3*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	$8,0 \times 10^3$
9.4*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.5*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,012
9.6*	Hàm lượng Clenbuterol	µg/kg	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,03)
9.7*	Hàm lượng Dexamethasone	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,05)
9.8	Hàm lượng Diquat	mg/kg	NIFC.04.M.026 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01)
9.9	Hàm lượng Paraquat	mg/kg	NIFC.04.M.026 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01)
9.10*	Hàm lượng Ractopamine	µg/kg	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,03)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

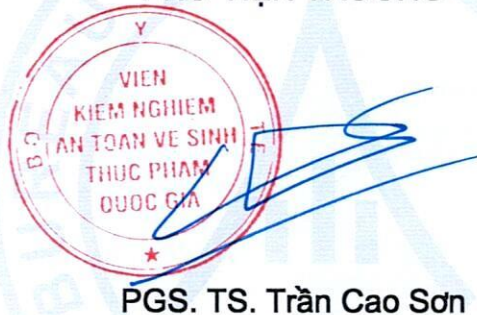
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.11*	Hàm lượng Salbutamol	µg/kg	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,03)
9.12*	Hàm lượng Spectinomycin	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 15)
9.13*	Hàm lượng Sulfadimidine	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1,0)

Ghi chú: $eLOD_{50}$ là giới hạn phát hiện LOD_{50} ước tính với xác suất phát hiện là 50%
KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2024

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG


PGS. TS. Trần Cao Sơn

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhân khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Số: 9189/CĐXN1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

S254118

PHIẾU TRẢ LỜI KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
(Kết quả chỉ có giá trị với mẫu xét nghiệm)

Kính gửi: Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật

I. Thông tin chung:

- Loại vật được lấy mẫu : Bò
- Số lượng mẫu : 01 mẫu
- Loại bệnh phẩm : Thịt bò
- Hình thức mẫu/KHM : Bộ phận bò tuyển chọn
- Ngày lấy mẫu : 13/08/2025
- Ngày nhận mẫu : 13/08/2025
- Nơi gửi mẫu : Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật
- Nơi lấy mẫu : Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật, Số 519, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội
- Tình trạng bệnh phẩm : Đạt yêu cầu xét nghiệm

II. Chỉ tiêu, phương pháp và kết quả xét nghiệm:

- Thời gian xét nghiệm: 13/08/2025 - 14/08/2025

TT	Chỉ tiêu XN	Phương pháp XN	Số mẫu XN	Kết quả
1	Ấu trùng gạo bò (Taenia saginata cysticercus)	Cắt lát	01	Âm tính 01/01 mẫu

III. Kết luận:

- Ấu trùng gạo bò (Taenia saginata cysticercus) : Âm tính 01/01 mẫu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TH.



Nguyễn Tùng

Trụ sở chính: Thôn Tân Trung Chùa, xã Nội Bài, Hà Nội. Tel: 08.666.50.669
Văn phòng giao dịch: Số 28, Ngõ 78, Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội. Tel: 08.666.50.166
Hotline trả kết quả: 08.666.0255. Email: benhlykysinhtrung@gmail.com